

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

BÀI GIẢNG

Môn: Chăn Nuôi Trâu Bò

Dành cho lớp: Cao Đẳng chăn Nuôi

Giảng viên: Phan Hồng Sơn

Chương I: MỞ ĐẦU

I. Vai trò ý nghĩa kinh tế của ngành chăn nuôi trâu bò

1. Ngành chăn nuôi trâu bò cung cấp cho con người nhiều sản phẩm có giá trị

a. Ngành CNTB cung cấp các loại thực phẩm quý

- Thịt

+ Thịt bò là loại thịt có giá trị dinh dưỡng cao, tỷ lệ protein hoàn thiện protein không hoàn thiện là 550/1. Protein thịt bò có đầy đủ các loại acid amin không thay thế.

+ Thịt bò có độ cảm quan thực phẩm cao thông qua màu sắc, hương vị, độ mềm, độ ngọt, sợi cơ...

- Sữa

+ Sữa là loại thực phẩm quý đối với con người, đặc biệt đối với trẻ em, người già yếu và người lao động nặng nhọc.

+ Sữa được xếp vào loại thực phẩm cao cấp vì sự hoàn chỉnh dinh dưỡng của chúng và rất dễ tiêu hoá (tỷ lệ tiêu hoá của sữa là 98%).

Có rất nhiều loại gia súc cho sữa nhưng tập trung chủ yếu vẫn là sữa bò sau đó là sữa trâu. Hàng năm trên thế giới thu được khoảng 500 triệu tấn sữa, trong đó có khoảng 80 – 90% từ sữa trâu bò.

b. Trâu bò là nguồn cung cấp sức kéo cho nông nghiệp và vận chuyển

Trong trào lưu công nghiệp hoá tiến nhanh theo các nước công nghiệp phát triển thì đã có xu thế lãng quên sức kéo của gia súc, nhưng hiện nay ở đất nước ta sức kéo của trâu bò vẫn phải được coi trọng.

Phân trâu bò là loại phân hữu cơ có giá trị và có khối lượng đáng kể.

Lượng phân thải ở trâu: 862,30 kg/con/năm (phân khô)

Lượng phân thải ở bò: 492,75 kg/con/năm (phân khô)

c. Chăn nuôi trâu bò cung cấp các sản phẩm phụ cho công nghiệp chế biến.

+ Da trâu bò là nguồn nguyên liệu cho các nhà máy thuộc da, là nguồn nguyên liệu để sản xuất các mặt hàng dân dụng (cặp, dây, áo da, bao tay, va li...)

2. Phát triển chăn nuôi trâu bò còn góp phần tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho nông dân.

Nước ta hiện nay lao động nhàn rỗi còn nhiều, vấn đề giải quyết lao động dư thừa đã được Đảng và Chính phủ rất quan tâm. Do vậy vai trò con bò không chỉ giải quyết thu nhập mà còn tạo công ăn việc làm, đặc biệt đối với người già, trẻ em

3. Chăn nuôi trâu bò, giảm cạnh tranh thức ăn với các loài gia súc khác:

Thức ăn chính của trâu bò là cỏ, rơm, ...

II. Một số thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển chăn nuôi trâu bò ở Việt Nam:

1. Thuận lợi:

Chúng ta có quần thể đàn trâu bò khá lớn đó là vốn quý làm nền tảng cho sự phát triển về số lượng và chất lượng.

Các giống trâu, bò của ta tuy thấp bé, nhỏ con năng suất sữa lại thấp, song chúng ta đã thích **nghe rất tốt với điều kiện sinh thái Việt Nam hàng ngàn đời nay. Đây là một tiềm năng di truyền rất to lớn và quý giá cần phải được khai thác và giữ gìn.**

- Chăn nuôi trâu bò đã trở thành một nghề truyền thống của người dân Việt Nam từ vùng biển đến vùng cao, từ Bắc chí Nam. Do đó người nông dân Việt Nam có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi trâu bò và có nhiều tình cảm giữa con người và gia súc.

- Chúng ta có tiềm năng lớn về thức ăn đặc biệt là nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp và từ các ngành khác.

- Đảng và Nhà nước đã có chủ trương đúng đắn để phát triển chăn nuôi trâu bò.

2. Khó khăn:

- Tập quán chăn nuôi lạc hậu, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa. Đặc điểm này là do tính chất truyền thống sinh ra. Sự trì trệ lạc hậu của tập quán cũ là bức tường chắn rất lớn trên con đường cải cách chăn nuôi từ chăn nuôi theo lối tận dụng sang chăn nuôi hàng hoá.

- Điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn.

+ Đất đai không thuận lợi cho phát triển đồng cỏ (dốc, đá ngầm) khó cơ giới hoá, khó làm các công trình thuỷ lợi. Diện tích đất canh tác thấp, khoảng 0,1 ha/người, nên việc dành đất cho phát triển trồng cỏ nuôi bò là gặp nhiều khó khăn. Khuynh hướng diện tích đất dành cho nuôi bò càng ngày bị thu hẹp lại do áp lực của dân số và nhiều chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp.v.v...

+ Thời tiết khí hậu không thuận lợi cho sự phát triển của gia súc, đặc biệt là các giống gia súc cao sản. Tính chất mùa vụ của khí hậu còn tạo ra mùa vụ trong việc giải quyết thức ăn cho gia súc.

- Nền kinh tế nghèo, lạc hậu nên chưa có điều kiện đầu tư cho ngành chăn nuôi trâu bò là một ngành có nhu cầu đầu tư rất lớn. Đời sống của người dân chưa cao, thu nhập còn rất thấp nên đã ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường tiêu thụ, việc vươn ra xuất khẩu thì sản phẩm chăn nuôi của ta chưa đảm bảo về chất lượng và vệ sinh.

- Trình độ quản lý và trình độ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi bò ở nước ta vẫn còn rất thấp, công tác khuyến nông trong những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Khó áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Cơ sở hạ tầng còn kém, các trung tâm giống quốc gia, các công ty thức ăn, các cơ sở sản xuất vacxin... vẫn còn thiếu hụt, chưa thoả mãn cho nhu cầu sản xuất.

- Chăn nuôi còn phân tán, không tập trung, mang tính chất tự cung, tự cấp (60% người nông dân chăn nuôi chưa quan tâm đến thị trường, 30% người dân có ý thức hơn nhưng không có

lãi vì chất lượng giống thấp, kỹ thuật chưa tốt, 10% chăn nuôi lớn, đang phát triển nhưng hạn chế bởi môi trường và tính bền vững) (Hoàng Kim Giao, 2003).

III. Phương hướng phát triển chung:

Khuyến khích phát triển về số lượng ở tất cả các khu vực kinh tế, trước hết để đáp ứng sức kéo, từng bước cải tiến chất lượng để tiến tới xây dựng một nền chăn nuôi trâu bò thịt, sữa hàng hoá.

Phát triển chăn nuôi song song theo hai hướng.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng thâm canh, tập trung
- Phát triển chăn nuôi theo hướng truyền thống

TaiLieu.vn

Chương II: MỘT SỐ GIỐNG TRÂU BÒ ĐANG ĐƯỢC NUÔI PHỔ BIẾN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

I. Các giống bò:

1. Bò Việt Nam

a. Bò Vàng Việt Nam

+ Nguồn gốc: Bò nội ở nước ta được phân bố rộng và thường được gọi theo tên địa phương như bò Thanh Hoá, bò Nghệ An, bò Lạng Sơn, bò Phú Yên, v.v. Mặc dù có sự khác nhau nhất định về một vài đặc điểm màu lông và thể vóc, nhưng chưa có cơ sở nào để khẳng định đó là những giống bò khác nhau, cho nên có thể gọi chung các loại bò nội của ta là bò Vàng Việt Nam.

+ Đặc điểm ngoại hình:

- Lông màu vàng, vàng nhạt hoặc vàng cánh dán, da có nhiều nếp nhăn
- Ngoại hình cân xứng, con đực đầu to, sừng dài chĩa về phía trước; mạch máu và gân mặt nổi rõ.
- Cổ con đực to, yếm kéo dài từ hầu đến xương ức.
- U vai con đực cao, lưng và hông thẳng, hơi rộng, bắp thịt nở nang.
- Ngực phát triển tốt, sâu hơi lép. Bụng to, tròn nhưng không sệ.
- Mông hơi xuôi, hẹp và ngắn, bốn chân thanh, cứng cáp; 2 chân trước thẳng, 2 chân sau đi chạm khoeo.

+ Chỉ tiêu sản xuất:

- Khối lượng sơ sinh 14-15kg, lúc trưởng thành con đực nặng 250-280kg. Cái: 160 – 200kg
- Bò Vàng có khả năng cày kéo tốt, làm việc dẻo dai ở những chân đất nhẹ, có tốc độ đi khá nhanh.
- Chịu đựng kham khổ, khả năng chống bệnh cao, thích nghi với nhiều vùng khí hậu ở nước ta.

b. Bò Lai Sind

Bò Lai Sind là kết quả tạp giao giữa bò Red Sindhi hoặc bò Sahiwal với bò Vàng Việt Nam.

+ Đặc điểm ngoại hình:

- Lông màu vàng hoặc sẫm, một số ít con có pha trắng.
- Đầu hẹp, trán gồ, tai to cụp xuống. Rốn và yếm rất phát triển: yếm kéo dài từ hầu đến rốn; nhiều nếp nhăn.
- U vai nổi rõ, lưng ngắn, ngực sâu, mông dốc.
- Đuôi dài, chót đuôi thường không có xương.

+ Chỉ tiêu sản xuất

- Khối lượng sơ sinh 17-19kg,

- Khối lượng trưởng thành con đực 400-450 kg. Cái: 250 – 350 kg

- Khả năng cày kéo tốt

- Chịu đựng kham khổ, khả năng chống bệnh tật cao, thích nghi tốt được với khí hậu nóng ẩm.

2. Các giống bò nhập nội

2.1. Các giống bò kiêm dụng thịt – sữa

a. Bò Sind (Red Sindhi)

+ Nguồn gốc: từ vùng Sindhi (Pakistan). Nhập vào Việt Nam từ năm 1923

+ Đặc điểm ngoại hình:

- Lông màu đỏ cánh dán hay nâu thẫm.

- Thân hình ngắn, chân cao, mình lép, tai to và rũ xuống, yếm và nếp gấp da dưới rốn rất phát triển.

- Bò đực có u vai rất cao, đầu to, trán gồ, rộng, sừng ngắn, cổ ngắn, vạm vỡ, ngực sâu nhưng không nở.

+ Chỉ tiêu sản xuất

- Bò cái: 300 – 390kg

- Khi trưởng thành bò đực có khối lượng 450-500kg

b. Bò Sahiwal

+ Nguồn gốc: Bò Sahiwal là giống bò u của Pakistan. Nhập vào Việt Nam năm 1974, nuôi ở Trung tâm tinh đông lạnh Moncada và Ninh Hoà, Khánh Hoà

+ Đặc điểm ngoại hình:

- Lông màu đỏ vàng hay vàng thẫm.

- Kết cấu ngoại hình tương tự như bò Red Sindhi. Khi trưởng thành bò đực có khối lượng 470 – 500 kg. Cái; 350 – 380 kg

c. Bò nâu Thụy Sĩ (Brown Swiss)

+ Nguồn gốc: Thụy Sĩ, châu Âu là giống kiêm dụng sữa-thịt. Nhập vào Việt Nam năm 1972 từ Cu Ba. Nuôi tại Trung tâm Môncađa Ba Vì, Hà Nội

+ Đặc điểm về ngoại hình

- Đầu ngắn, trán dài và rộng, mõm rộng, sừng ngắn, cong, gốc sừng trắng.

- Thân hình dài, ngực nở, sâu, rộng, sườn bụng thon.
- Bốn chân chắc chắn khoẻ mạnh, tư thế vững vàng, móng đen.

+ Các chỉ tiêu sản xuất

- Thể trọng lúc sơ sinh khoảng 31-37kg,
- Khối lượng trưởng thành của bò đực 800-950. Tỷ lệ thịt xẻ 59-60%. Con cái: 550 -700kg
- Năng suất sữa bình quân 3500-4000kg/chu kỳ, tỷ lệ mỡ sữa 3,5-4%.

d. Bò Simental

+ Nguồn gốc: Thụy Sĩ, hiện nay được nuôi ở nhiều nước trên thế giới. Việt Nam nhập tinh đông viên của loại bò này, lai với giống bò vàng Việt Nam

+ Đặc điểm ngoại hình.

- Lông màu đỏ nâu và trắng, lông đầu thường có màu trắng.
- Ngực sâu, rộng, bộ xương chắc chắn. Cơ phát triển tốt.

+ Đặc điểm về sức sản xuất

- Bò đực trưởng thành trọng lượng 1000kg. Cái 700 – 900kg
- Lúc 1 năm tuổi bê đực nặng 517kg
- Nuôi dưỡng tốt bê đực giết thịt lúc 14 -16 tháng tuổi có tỷ lệ thịt xẻ 66%.
 - Bò Simental có thể khai thác sữa. nếu chọn lọc và nuôi dưỡng tốt có thể cho 3500-4000 kg sữa/chu kỳ 270 ngày. Tỷ lệ mỡ sữa 3,9-4%.

2.2. Các giống bò sữa

a. Bò lang trắng đen Hà Lan (Holstein Friesian)

+ Nguồn gốc: Hà Lan, được nhập vào nước ta năm 1970 và nuôi nhiều ở Mộc Châu, Lâm Đồng

+ Đặc điểm ngoại hình

- Lông màu lang trắng đen (chiếm ưu thế) hoặc toàn thân đen riêng đỉnh trán và chót đuôi trắng, số ít lang trắng đỏ. Các điểm trắng đặc trưng là điểm trắng ở trán, vai có vệt trắng kéo xuống bụng, 4 chân và chót đuôi trắng.
 - Thân dạng hình nêm đặc trưng của bò sữa.
 - Đầu con đực thô, trán phẳng hoặc hơi lõm, sừng nhỏ, ngắn, chia về phía trước.
 - Cổ thanh, dài vừa phải, không có yếm, vai-lưng-hông-mông thẳng hàng.
 - Bốn chân thẳng, đẹp, hai chân sau doãng.
- + Chỉ tiêu sản xuất

- Khối lượng sơ sinh khoảng 35-45 kg, - Con đực trưởng thành nặng 1000-1200kg. Cái nb0 – 700 kg

Sản lượng sữa 5000 – 6000kg, mỡ sữa 3, 6B. Nuôi tốt đạt 6000 – 8000 kg/ chu kỳ

- Chịu nóng và chịu đựng kham khổ kém, dễ cảm nhiễm bệnh tật, đặc biệt là các bệnh ký sinh trùng đường máu và bệnh sản khoa.

b. Bò Jersey

+ Nguồn gốc: Đảo Jersey nước Anh. Việt Nam nhập tinh đông viên để lai tạo với giống bò vàng Việt Nam

+ Đặc điểm về ngoại hình:

- lông màu vàng sáng hoặc sẫm. Có con có đốm trắng ở bụng, chân và đầu.

- Thân hình nê-m, đặc thù của bò hướng sữa.

- Đầu nhẹ, mặt cong, mắt lồi, cổ thanh dài và có yếm khá phát triển. - Vai cao và dài, ngực sâu, xương sườn dài, lưng dài, rộng.

- Mông dài, rộng và phẳng, bụng to, tròn.

- Bốn chân mảnh, khoảng cách giữa hai chân rộng. Đuôi nhỏ.

+ Các chỉ tiêu sản xuất

- Bê sơ sinh nặng 25-30kg.

- Bò đực trưởng thành nặng 450-550kg. Cái: 300 – 400 kg.

- Năng suất sữa bình quân đạt 3000-5000kg/chu kỳ 305 ngày, tỷ mỡ sữa (4,55,5%), mỡ sữa màu vàng, hạt to thích hợp cho việc chế biến bơ.

- Bò Jersey thành thực sớm. Bò đực giống phát triển tốt có thể lấy tinh lúc 12 tháng tuổi.

c. Lai hướng sữa;

Lai F1

(Chu kỳ 270 ngày)

Lai F2

2.3. Các giống bò thịt

a. Bò Brahman

+ Nguồn gốc: từ nước Mỹ, được nuôi ở nhiều nước trên thế giới, được nhập vào Việt Nam từ nước Úc.

+ Đặc điểm ngoại hình: Bò Brahman có màu lông trắng gio hoặc đỏ.

+ Chỉ tiêu sản xuất:

- Khi trưởng thành bò đực nặng khoảng 680-970kg. Cái : 450 - 630kg
- Lúc 1 năm tuổi con đực nặng khoảng 375kg.
- Tăng trọng của bê đực từ 6-12 tháng tuổi khoảng 900-1000g/ngày, tỷ lệ thịt xẻ khoảng 52-58%.

b. Bò Drought Master

- + Nguồn gốc: từ Australia.
- + Đặc điểm ngoại hình: Bò có màu lông đỏ Chỉ tiêu sản xuất:
- Bò đực trưởng thành nặng 820-1000kg. - Một năm tuổi con đực nặng 450kg.
- Bê đực 6-12 tháng tuổi được nuôi dưỡng tốt cho tăng trọng 1000-1200g/ngày và cho tỷ lệ thịt xẻ 55-60% khi giết thịt lúc 14-16 tháng tuổi. Việt Nam đã nhập bò Drought Master từ Australia để nhân thuần và cho lai với bò cái nền Lai Sin nhằm tạo con lai hướng thịt.

c. Bò Hereford

- + Nguồn gốc: nước Anh.
- + Đặc điểm ngoại hình:
- Lông màu đỏ, ở đầu, ngực, phần dưới bụng, bốn chân và đuôi có đốm trắng.
- Ngoại hình tiêu biểu của bò chuyên dụng hướng thịt.
- Đầu không to nhưng rộng, cổ ngắn, rộng, ngực sâu, rộng, lưng dài, rộng.
 - Chân thấp, da dày hơi thô, cơ bắp rất phát triển, bộ xương vững chắc.
- + Chỉ tiêu sản xuất
- Bò đực trưởng thành nặng 1000-1200kg. Cái: 750 – 800kg
- Bê 6-12 tháng tuổi tăng trọng 1300-1500g/ngày.
- Tỷ lệ thịt xẻ lúc 14-16 tháng tuổi đạt 67-68%. Chất lượng thịt tốt, thịt ngon, mềm, thường có lớp mỡ kẻ giữa lớp cơ bắp.
- Việt Nam đã nhập tinh đông lạnh bò giống Hereford cho lai với bò cái Lai Sin để thăm dò khả năng cho thịt của con lai.

d. Bò Charolais

- + Nguồn gốc: Nước Pháp.
- + Đặc điểm ngoại hình
- Lông màu trắng ánh kem.
- Ngoại hình phát triển cân đối.
- Thân rộng, mình dày, mông không dốc, đùi phát triển.
- + Chỉ tiêu sản xuất

- Bò đực trưởng thành nặng 1000-1300kg. Cái: 650 – 750kg
- Nuôi tốt, lúc 12 tháng tuổi bê đực đạt 450-540kg.
- Trong giai đoạn 6-12 tháng tuổi bê có thể tăng trọng 1450-1550g/ngày.
- Giết thịt lúc 14-16 tháng tuổi, tỷ lệ thịt xẻ 65-69%.
- Nước ta cũng đã nhập bò giống và tinh đông lạnh bò Charolais để cho lai với bò cái Lai Sin nhằm tạo bò lai hướng thịt.

e. Bò Lymousin

- + Nguồn gốc: nước Pháp.
- + Đặc điểm ngoại hình:
 - Lông màu đỏ sẫm, ngoại hình cân đối, đặc trưng ngoại hình giống bò chuyên thịt.
- + Chỉ tiêu sản xuất
 - Bò đực trưởng thành nặng 1000-1300 kg. Cái: 650 – 850 kg
 - Nếu nuôi dưỡng tốt bê đực 12 tháng tuổi nặng 500kg.
 - Bê 6-12 tháng tuổi tăng trọng 1300-1400g/ngày. Bê đực nuôi tốt giết thịt lúc 14-16 tháng tuổi cho tỷ lệ thịt xẻ 68-71%.

II. Các giống trâu.

1. Giống trâu nội

Trâu Việt Nam chia ra 2 loại hình: Trâu Ngố và trâu Dế

- + Đặc điểm ngoại hình
 - Trâu có ngoại hình vạm vỡ,
 - Đa số có lông da màu đen xám; dưới hầu và trước ức có khoang lông màu trắng. Số ít trâu có lông, da màu trắng.
 - Đầu hơi bé; trán và sống mũi thẳng, tai mọc ngang, sừng dài, dẹt, hình cánh cung, hướng về phía sau và hơi vênh lên trên.
 - Cổ to tròn không có yếm, không có u vai. Lưng thẳng, mông xuôi, ngực nở.
 - Đuôi dài đến khoeo, tận cùng có chòm lông.
- + Chỉ tiêu sản xuất
 - Khối lượng sơ sinh 28-30kg, khối lượng trưởng thành: Trâu Ngố 450-650 kg; Trâu Gié: 300 – 400kg. Tỷ lệ thịt xẻ 48%.
 - Trâu Việt Nam có khả năng lao tác tốt, làm việc ở những chân đất nặng hay lầy lội.
 - Chịu đựng kham khổ, khả năng chống bệnh cao, thích nghi với khí hậu nóng ẩm.